TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 9 – 2020
V/v ly hôn giữa chị H và anh T.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Diễm Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tấn Triều**

2. Ông **Võ Hoàng Vũ**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Trần Thanh Tuấn –** Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ*: Bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 370/2020/TLST-HNGĐ 27 tháng 07 năm 2020 về *việc "Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 618/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1977

Địa chỉ : Số 131 P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

* *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 14/ 125 N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 07 năm 2020 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Bà đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Tấn T tại Ủy ban nhân dân phường A(nay là phường T), quận N, thành phố Cần Thơ vào ngày 26/11/1997, giấy chứng nhận kết hôn số: 109.HT.97. Quá trình chung sống giữa bà và ông T đã có nhiều mâu thuẫn phát sinh trầm trọng mà bản thân và gia đình các bên đã cố gắng tìm biện pháp hàn gắn để duy trì hôn nhân nhưng không đạt được kết quả. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục duy trì nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Anh K; sinh ngày 31/01/2000 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có.

Bị đơn Nguyễn Tấn T đã bản tự khai và yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ông T thống nhất với yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng H

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Anh K; sinh ngày 31/01/2020 (đã trưởng thành)

Về tài sản chung, nợ chung: ông T xác định không có

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà H giữ yêu cầu khởi kiện ban đầu và đồng ý để Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải ông T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Hồ sơ thể hiện

ông T có tự khai đồng ý ly hôn với bà H những xin xét xử vắng mặt, điều đó thể hiện ông không còn tha thiết mối quan hệ hôn nhân với bà H. Nhận thấy mâu thuẫn của ông bà đã thật sự trầm trọng do đó yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Về con chung: ông bà có 01 con chung là Nguyễn Anh K (nam), sinh ngày 31/01/2000 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung và tài sản chung: Bà H cho rằng không có, ông T cũng trình bày không có nên không đặt ra xem xét, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ kiện khác. Trên đây là toàn bộ quan điểm về giải quyết vụ án của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận N nhận định:

Về thủ tục: Ông Nguyễn Tấn T đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông T là phù hợp quy định của pháp luật.

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Tấn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn khi phát sinh tranh chấp sẽ thuộc sự điều chỉnh của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do ông T là bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N.

Về hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng triệu tập ông T đến nhằm tạo điều kiện hòa giải hàn gắn cho các bên nhưng ông T thống nhất với yêu cầu ly hôn của bà H cho thấy ông T không tha thiết hàn gắn hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Anh K; sinh ngày 31/01/2020 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông T xác định không có nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận N và quan điểm của Hội đồng xét xử là thống nhất nên ghi nhận.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 26/12/2016 của Hội đồng thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao quy định án phí, lệ phí tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Tấn T.

2. *Về nuôi con chung*: Bà H và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Anh K; sinh ngày 31/01/2000 (đã trưởng thành) nên không đặt ra xem xét.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. *Về án phí*: Bà H phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 002693 ngày 15/06/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ thành án phí hôn nhân.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. N;

- Chi cục THADS Q. N;
-UBND phường Tân An, QNK, TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG